

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ C16XCD
TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
M? H Ọ C PHẦN : MEC - 316

H Ọ C K Ỳ 3
T Í N C H Ỉ 2
L Ầ N T H I 1

Ngày thi: 09/01/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	161211002	V? KH ẮC	B?NH	C16XCD	10			8		8			8.5	8.6	Taỉn pháỷ Saủ		
2	161211003	PHAN VĂN	BÔNG	C16XCD	9			7.5		7.5			5	6.4	Saủ pháỷ Bảứ		
3	161211005	PHAN VĂN	CHÍNH	C16XCD	8			6.5		5			5.5	6.0	Saủ		
4	161211006	TÔN MẠNH	CUỜNG	C16XCD	9			6.5		8			6	6.8	Saủ pháỷ Taỉn		
5	161211007	ĐINH MẠNH	CUỜNG	C16XCD	8			0		2			2	0.0	Khẳg		
6	161211008	NGUYỄN DUY	CUỜNG	C16XCD	7			0		3			2	0.0	Khẳg		
7	161211010	PHAN PHỤNG	ĐÔNG	C16XCD	8			7		4			5	5.6	Nằm pháỷ Saủ		
8	161211011	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	C16XCD	8			7		5.5			4	5.3	Nằm pháỷ Ba		
9	161211012	LÊ VĂN	DỪNG	C16XCD	9			6.5		6			6	6.5	Saủ pháỷ Nằm		
10	161211015	TRẦN QUỐC	GIA	C16XCD	4			6.5		1			5	4.5	Bảứ pháỷ Nằm		
11	161211016	CAO SƠN	HẢI	C16XCD	6			6.5		3			V	0.0	Khẳg	Ho?n thi	
12	161211018	TRẦN CÔNG	HẬU	C16XCD	9			0		3			5.5	4.8	Bảứ pháỷ Taỉn		
13	161211019	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	C16XCD	7			6.5		1			4	4.4	Bảứ pháỷ Bảứ		
14	161211020	HUỖNH ANH	HIỆP	C16XCD	5			6		3			1	0.0	Khẳg		
15	161211021	ĐẶNG XUÂN	H?A	C16XCD	4			6.5		1			3	0.0	Khẳg		
16	161211023	NGUYỄN HUY	HÙNG	C16XCD	8			7		4			2	0.0	Khẳg		
17	161211024	DƯƠNG Đ?NH	HUY	C16XCD	9			5		6			4	5.2	Nằm pháỷ Hai		
18	161211029	NGUYỄN Đ?NH	LONG	C16XCD	2			6.5		2			8.5	6.3	Saủ pháỷ Ba		
19	161211030	TRƯỜNG HẢI	LONG	C16XCD	5			7		4			4	4.6	Bảứ pháỷ Saủ		
20	161211033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	6			6.5		1			6	5.3	Nằm pháỷ Ba		
21	161211035	TRẦN Đ?NH	NGUYỄN	C16XCD	6			6.5		1			4	4.2	Bảứ pháỷ Hai		
22	161211036	V? NGUY ỄN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	0			0		0			V	0.0	Khẳg		
23	161211037	TRẦN VĂN	NHÀN	C16XCD	8			7		6			6.5	6.7	Saủ pháỷ Bảỷ		
24	161211038	PHAN TÂN	PHONG	C16XCD	4			0		1			5	3.5	Ba pháỷ Nằm		
25	161211039	NGUYỄN QuỐC	PH?NG	C16XCD	6			7.5		4			5	5.4	Nằm pháỷ Bảứ		
26	161211040	HOÀNG ĐỨC	PHƯƠNG	C16XCD	9			7		7			6	6.8	Saủ pháỷ Taỉn		
27	161211041	TRƯỜNG CÔNG	RIN	C16XCD	7			7		1			4	4.5	Bảứ pháỷ Nằm		
28	161211042	TRẦN VĂN	SANG	C16XCD	6			7		1			2	0.0	Khẳg		
29	161211044	HỒ HẢI	THÁI	C16XCD	9			0		4			HP	0.0	Khẳg		
30	161211045	NGUYỄN	THÀNH	C16XCD	0			6		0			5.5	3.9	Ba pháỷ Chằn		
31	161211046	NGUYỄN CHÁNH	THI	C16XCD	10			6.5		6			4.5	5.9	Nằm pháỷ Chằn		
32	161211047	CAO THỂ	TH?N	C16XCD	10			7.5		8			6	7.1	Bảỷ pháỷ Mảứ		
33	161211048	LÊ NGỌC	THỊNH	C16XCD	8			6.5		3			5.5	5.7	Nằm pháỷ Bảỷ		
34	161211049	TRẦN QUỐC	TOẢN	C16XCD	2			0		4			7.5	5.0	Nằm		
35	161211050	TRẦN QUANG	TRUNG	C16XCD	9			7		7			6.5	7.0	Bảỷ		
36	161211051	HỒ CHỈ	TRUNG	C16XCD	8			6		6.5			4	5.3	Nằm pháỷ Ba		
37	161211052	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	C16XCD	10			6		8			6.5	7.2	Bảỷ pháỷ Hai		
38	161211053	NGUYỄN NGỌC	TÚ	C16XCD	8			7		3			7.5	6.8	Saủ pháỷ Taỉn		
39	161211054	LÊ VĂN	TUẦN	C16XCD	9			6.5		3			7	6.6	Saủ pháỷ Saủ		
40	161211056	TRẦN ANH	TUẦN	C16XCD	10			7		5			4.5	5.8	Nằm pháỷ Taỉn		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	161211058	LÊ VĂN	TÙNG	C16XCD	7			6.5		2			4	4.5	Bấu phápy Nằm	
1	1004	LÊ HOÀNG	VIỆT	C15XCD	8			8.5		3			4.5	5.4	Nằm phápy Bấu	
2	1008	KIỀU THỂ	HẢI	C15XCD	7			8		3			4	4.9	Bấu phápy Chẻn	
3	1078	NGUYỄN VĂN	SANG	C15XCD	9			8.5		2			4	5.1	Nằm phápy Mắu	
4	2097	NGUYỄN VĂN	THÔNG	K15XCD	8			6		0			4	4.3	Bấu phápy Ba	
5	4532	HUỲNH CHÂU THANH	HOÀNG	K15XCD	7			7		1			2	0.0	Khắng	
6	4536	PHAN VĂN	PHÚ	K15XCD	8			6		1			4	4.5	Bấu phápy Nằm	
7	4539	PHẠM MINH	VƯƠNG	K15XCD	9			7		1			5	5.3	Nằm phápy Ba	
8	4544	NGUYỄN VĂN	TUYÊN	K15XCD	9			7		0			4	4.6	Bấu phápy Sắu	
9	4545	NGUYỄN TRƯỜNG	DUY	K15XCD	8			7		3			1	0.0	Khắng	
10	4550	HỒ CÔNG QUỐC	PHONG	K15XCD	8			5		3			1	0.0	Khắng	
11	4587	NGÔ TÙNG	SON	K15XCD	9			8.5		4			4	5.4	Nằm phápy Bấu	
12	4600	TRẦN VĨNH	THÀNH	K15XCD	8			7.5		1			2	0.0	Khắng	
13	5632	ĐẶNG THÀNH	PHONG	K15XCD	9			8		2			6.5	6.4	Sắu phápy Bấu	
14	5638	TRẦN THỂ	HÙNG	K15XCD	7			7		2			1	0.0	Khắng	
15	6210	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XCD	10			7		2			6	6.2	Sắu phápy Hai	
16	6251	NGUYỄN HUY	CƯỜNG	K15XCD	2			0		0			V	0.0	Khắng	
17	8068	TRỊNH ĐOÀN QUANG	NHÂN	K15XCD	6			5		5			4	4.6	Bấu phápy Sắu	
18	2101	LÊ THÀNH	TRUNG	K15XCD	9			7		1			1.5	0.0	Khắng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	41	69%	
2	Số sinh viên nợ	18	31%	
TỔNG CỘNG :		59	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2012

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú

2/2